

Thời gian : 13h30 - 14/06/2026 - Phòng : 508 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
| | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 29206937700 | Trần Thị Diễm | 07/09/2005 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 2 | 27212134735 | Nguyễn Huy Hoàng | 15/08/2003 | Quảng Trị | 29TSC8 | | | | | | Học lại |
| 3 | 27203322265 | Nguyễn Thanh Trúc | 12/05/2003 | Đà Nẵng | 30TYC12 | | | | | | Thi lại |
| 4 | 27216138891 | Lê Anh Tú | 18/02/2003 | Đắk Lắk | 31CBN2 | | | | | | Lần 1 |
| 5 | 28212304132 | Phạm Lâm Vũ | 16/04/2004 | Đà Nẵng | 31SBN10 | | | | | | Thi lại |
| 6 | 28206522075 | Lê Thị Thu Hiền | 02/04/2003 | Daklak | 31SHT8 | | | | | | Thi lại |
| 7 | 28206506572 | Huỳnh Thị Thu Sương | 14/10/2003 | Quảng Ngãi | 31SSC3 | | | | | | Thi lại |
| 8 | 29204664751 | Lê Thị Thanh Tú | 31/10/2005 | Gia Lai | 31SSC9 | | | | | | Thi lại |
| 9 | 28207303744 | Nguyễn Thiêng Hằng | 22/08/2004 | Gia Lai | 31SYC9 | | | | | | Thi lại |
| 10 | 28204606195 | Đặng Ngọc Gia Hân | 23/06/2004 | Daklak | 31TBN14 | | | | | | Lần 1 |
| 11 | 28204602266 | Đỗ Thị Hương | 15/10/2004 | Gia Lai | 31TBN14 | | | | | | Thi lại |
| 12 | 29206565408 | Nguyễn Thúy Diệp Anh | 31/10/2004 | Đắk Lắk | 31TBN18 | | | | | | Thi lại |
| 13 | 29206565337 | Nguyễn Thị Hương Giang | 18/07/2004 | Nghệ An | 31TBN18 | | | | | | Thi lại |
| 14 | 28218001384 | Phan Nhật Hoài Sơn | 05/02/2004 | Khánh Hòa | 31TBN18 | | | | | | Thi lại |
| 15 | 28208002418 | Nguyễn Thị Tuyết Sương | 26/04/2004 | Gia Lai | 31TBN18 | | | | | | Thi lại |
| 16 | 28208238266 | Lê Ngọc Phương Thảo | 21/09/2004 | Đà Nẵng | 31TBN18 | | | | | | Thi lại |
| 17 | 28214752490 | Nguyễn Khoa Đông Dương | 03/01/2004 | Thừa Thiên Huế | 31THT19 | | | | | | Thi lại |
| 18 | 28214602187 | Nguyễn Hồng Quân | 06/12/2004 | Quảng Nam | 31THT19 | | | | | | Lần 1 |
| 19 | 28214600461 | Phạm Xuân Bảo Trí | 11/12/2004 | Quảng Trị | 31THT19 | | | | | | Thi lại |
| 20 | 28208003727 | Huỳnh Thị Trúc Ly | 30/04/2004 | Quảng Nam | 31TSC17 | | | | | | Thi lại |
| 21 | 28207105789 | Đinh Thị Hương Giang | 05/06/2004 | Đắk Lắk | 31TSC2 | | | | | | Thi lại |
| 22 | 28205236715 | Nguyễn Thị Tố Nga | 05/07/2004 | Quảng Nam | 31TYC1 | | | | | | Thi lại |
| 23 | 27211321762 | Trần Văn Hiếu | 30/10/2003 | Đà Nẵng | 31TYC10 | | | | | | Thi lại |

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 13h30 - 14/06/2026 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ | |
|----|-------------|-------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|--|
| | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | | |
| 1 | 28218150189 | Trần Cao Văn | Khánh | 27/09/2004 | Quảng Nam | 32CBN1 | | | | | | |
| 2 | 29214556842 | Nguyễn Anh | Khôi | 30/08/2005 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 3 | 27214340727 | Trần Cảnh | Lĩnh | 26/10/2003 | Quảng Nam | 32CBN1 | | | | | | |
| 4 | 28212302383 | Nguyễn Công | Lộc | 31/01/2004 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 5 | 29204962427 | Trương Thị Tuyết | Mai | 13/06/2005 | Quảng Bình | 32CBN1 | | | | | | |
| 6 | 28212351821 | Doãn | Nguyễn | 11/05/2004 | Bình Triều | 32CBN1 | | | | | | |
| 7 | 29207257451 | Nguyễn Hà Thu | Sương | 27/10/2005 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 8 | 28213505495 | Nguyễn Phan Thành | Tài | 21/10/2002 | Quảng Nam | 32CBN1 | | | | | | |
| 9 | 29206954641 | Phan Thị Khánh | Tâm | 07/10/2005 | Quảng Nam | 32CBN1 | | | | | | |
| 10 | 28204723689 | Nguyễn Thị Thi | Thảo | 08/01/2004 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 11 | 29204520559 | Lê Vũ Diệu | Thảo | 20/04/2005 | Gia Lai | 32CBN1 | | | | | | |
| 12 | 29206765556 | Hoàng Thị | Thu | 03/07/2003 | Lạng Sơn | 32CBN1 | | | | | | |
| 13 | 29204134497 | Lê Thị Minh | Thư | 19/09/2005 | Quảng Nam | 32CBN1 | | | | | | |
| 14 | 28208140356 | Lê Thị Thanh | Thương | 18/10/2004 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 15 | 29206751570 | Nguyễn Thị Út | Thương | 11/12/2005 | Đắk Lắk | 32CBN1 | | | | | | |
| 16 | 28212342657 | Văn Thành | Trí | 04/06/2004 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 17 | 27214300075 | Lương Hoàng | Trung | 17/03/2003 | Bình Định | 32CBN1 | | | | | | |
| 18 | 27214340234 | Huỳnh Ngọc Đan | Trường | 08/03/2003 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 19 | 29204755474 | Nguyễn Khánh | Vân | 05/12/2005 | Đà Nẵng | 32CBN1 | | | | | | |
| 20 | 28212602860 | Trần Lê Anh | Việt | 19/04/2004 | Khánh Hòa | 32CBN1 | | | | | | |
| 21 | 29214750212 | Nguyễn Thị Mỹ | Vy | 08/08/2005 | Đắk Lắk | 32CBN1 | | | | | | |
| 22 | 26203122892 | Nguyễn Vũ Quỳnh | Anh | 25/10/1999 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 23 | 29206954322 | Nguyễn Thị Kim | Anh | 24/12/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 24 | 29216249248 | Nguyễn Phạm Gia | Bảo | 16/10/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 13h30 - 14/06/2026 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
| | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 29200357982 | Nguyễn Gia Hân | 13/06/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 2 | 28212300532 | Lê Huy Hoàng | 19/04/2004 | Gia Lai | 32CHT2 | | | | | | |
| 3 | 28212343555 | Ngô Nguyễn Hoàng Khang | 18/09/2004 | Kon Tum | 32CHT2 | | | | | | |
| 4 | 0866967283 | Lê Thanh Kiệt | 14/07/2004 | Bình Định | 32CHT2 | | | | | | |
| 5 | 28212306604 | Nguyễn Văn Lĩnh | 24/10/2004 | Gia Lai | 32CHT2 | | | | | | |
| 6 | 29206761694 | Nguyễn Minh Lý | 30/06/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 7 | 28206741170 | Trịnh Kim Phượng | 17/10/2004 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 8 | 29206957634 | Huỳnh Võ Mỹ Quyên | 23/03/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 9 | 29200338136 | Nguyễn Như Quỳnh | 19/12/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 10 | 29206758094 | Nguyễn Thị Bích Thu | 02/09/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 11 | 29216639444 | Nguyễn Lê Tường Thuật | 10/09/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 12 | 28212301873 | Cao Quốc Toàn | 07/01/2004 | Đắk Lắk | 32CHT2 | | | | | | |
| 13 | 29204347088 | Trần Thị Thuý Trâm | 26/08/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 14 | 29213120134 | Trương Công Trường | 05/11/2005 | Huế | 32CHT2 | | | | | | |
| 15 | 29204534845 | Trịnh Thị Ngọc Tú | 17/07/2005 | Đà Nẵng | 32CHT2 | | | | | | |
| 16 | 29204658545 | Phan Thị Lan Anh | 06/04/2005 | Thừa Thiên Huế | 32CSC1 | | | | | | |
| 17 | 29205247648 | Lưu Quỳnh Anh | 24/12/2005 | Gia Lai | 32CSC1 | | | | | | |
| 18 | 29209529600 | Hoàng Phương Anh | 19/03/2005 | Quảng Bình | 32CSC1 | | | | | | |
| 19 | 30216228070 | Trịnh Vinh Đại | 20/02/2006 | Đắk Lắk | 32CSC1 | | | | | | |
| 20 | 29204643153 | Nguyễn Võ Kiều Diễm | 17/01/2005 | Đắk Lắk | 32CSC1 | | | | | | |
| 21 | 29204335927 | Trương Trần Kỳ Duyên | 04/09/2005 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 22 | 29205262052 | Nguyễn Lâm Thuý Duyên | 29/04/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC1 | | | | | | |
| 23 | 29214542134 | Trần Quang Hải | 22/08/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC1 | | | | | | |
| 24 | 28213142161 | Nguyễn Quang Hiếu | 08/09/2004 | Quảng Bình | 32CSC1 | | | | | | |

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 13h30 - 14/06/2026 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ | |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|---------|
| | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | | |
| 1 | 29204655637 | Trần Khánh | Huyền | 05/07/2005 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 2 | 29206555481 | Thái Thị Thu | Huyền | 16/12/2005 | Bình Định | 32CSC1 | | | | | | |
| 3 | 28212332514 | Đoàn Ngọc Nguyên | Khôi | 15/06/2004 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 4 | 28206242010 | Hồ Thị | Kim | 29/04/2004 | Đắk Lắk | 32CSC1 | | | | | | |
| 5 | 29214658506 | Nguyễn Khánh | Lộc | 26/12/2005 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 6 | 29208042080 | Nguyễn Thị | Ly | 13/10/2005 | Quảng Trị | 32CSC1 | | | | | | |
| 7 | 28204849737 | Lê Nguyễn Ny | Na | 09/01/2004 | Đắk Lắk | 32CSC1 | | | | | | |
| 8 | 29204949990 | Nguyễn Thị Trà | Ny | 12/11/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC1 | | | | | | |
| 9 | 29214556317 | Võ Đại | Phước | 05/05/2005 | Bình Định | 32CSC1 | | | | | | |
| 10 | 29204455187 | Nguyễn Ngọc Mai | Phương | 14/11/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC1 | | | | | | |
| 11 | 29205259291 | Đinh Thị Lưu Y | Phùng | 26/08/2005 | Gia Lai | 32CSC1 | | | | | | |
| 12 | 28212450808 | Lê Thanh | Tâm | 19/08/2004 | Quảng Trị | 32CSC1 | | | | | | |
| 13 | 29206146162 | Lê Quỳnh | Thư | 01/03/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC1 | | | | | | |
| 14 | 29205255093 | Lê Thị Hồ | Trâm | 24/10/2005 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 15 | 29204923845 | Trương Lê Tố | Trân | 23/03/2005 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 16 | 29204920950 | Nguyễn Thị Vân | Trang | 22/05/2005 | Quảng Trị | 32CSC1 | | | | | | |
| 17 | 29205243205 | Trần Thị Huyền | Trang | 01/04/2005 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 18 | 28212303968 | Kiều Minh | Trung | 24/06/2004 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 19 | 29204644898 | Huỳnh Thị | Tuyền | 23/08/2005 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 20 | 29204559648 | Phạm Thị Khánh | Vân | 21/06/2005 | Hà Tĩnh | 32CSC1 | | | | | | |
| 21 | 29206248729 | Lê Thị Yên | Vi | 29/11/2005 | Quảng Ngãi | 32CSC1 | | | | | | |
| 22 | 28204304529 | Nguyễn Thị Thúy | Vy | 04/10/2004 | Đà Nẵng | 32CSC1 | | | | | | |
| 23 | 27211302008 | Ngô Văn | Sang | 05/10/2003 | Quảng Nam | 32SHT1 | | | | | | Thi lại |
| 24 | 27212129733 | Nguyễn Văn | Sang | 08/07/2003 | Đà Nẵng | 32SHT1 | | | | | | Thi lại |

Số học viên vắng :; Số học viên đình chỉ :; Số bài thi :; Số tờ :

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG